

Số: 206/QĐ-STC

Kiên Giang, ngày 29 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt giá khởi điểm thanh lý tài sản theo
hình thức bán đấu giá đối với tài sản là 14 xe ô tô đã qua sử dụng**

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị quyết số 172/2018/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 1287/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác chung theo Nghị định số 04/2019/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 27/4/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc sắp xếp, xử lý xe ô tô phục vụ công tác chung theo Nghị định số 04/2019/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 2783/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc thu hồi tài sản công giao cho Sở Tài chính bán thanh lý;

Căn cứ Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Biên bản ngày 28/6/2023 của Hội đồng thẩm định giá tài sản công cấp tỉnh về việc họp Hội đồng thẩm định giá tài sản công cấp tỉnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý giá và công sản.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá khởi điểm thanh lý tài sản theo hình thức bán đấu giá đối với tài sản là 14 xe ô tô đã qua sử dụng. Cụ thể như sau:

1. Đặc điểm tài sản: Theo Danh mục đính kèm.
2. Giá khởi điểm trên không bao gồm thuế, phí và các chi phí khác.

Điều 2. Giao Phòng Quản lý giá và công sản triển khai thực hiện bán đấu giá tài sản theo quy định. Việc tổ chức bán đấu giá phải công khai theo đúng quy định tại Điều 57 của Luật đấu giá tài sản và đưa thông tin đấu giá tài sản nhà nước lên Trang thông tin điện tử về tài sản công tại địa chỉ: <http://taisancong.vn>.

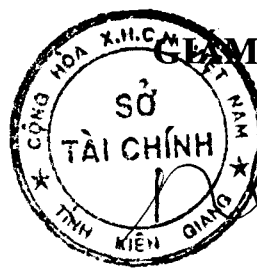
Số tiền thu được từ thanh lý tài sản công thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở Tài chính, Trưởng phòng Quản lý giá và công sản và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của QĐ;
- Ban GD Sở;
- Lưu: VT; P.QLGCS.



Nguyễn Thanh Điền

DANH MỤC XE Ô TÔ BÁN ĐẤU GIÁ

Kèm theo Quyết định số 106/QĐ-STC ngày 19/6/2023 của Sở Tài chính

Đơn vị tính: đồng.

STT	Đặc điểm xe ô tô bán đấu giá	Giá khởi điểm
01	Xe ô tô con TOYOTA COROLLA 4 chỗ, biển số đăng ký 68C-0026 đã qua sử dụng. <ul style="list-style-type: none">- Loại phương tiện: Ô tô con.- Nhãn hiệu: TOYOTA.- Số loại: COROLLA.- Số máy: 4A-L216167.- Số khung: AE101-0160883.- Năm, nước sản xuất: 1996, Nhật Bản.	50.000.000
02	Xe ô tô con hiệu TOYOTA LANDCRUISER 9 chỗ, biển số đăng ký 68C-0177 đã qua sử dụng: <ul style="list-style-type: none">- Biển đăng ký: 68C-0177.- Loại phương tiện: Ô tô con.- Nhãn hiệu: TOYOTA.- Số loại: LANDCRUISER 4.5.- Số máy: 1FZ0112748.- Số khung: FZJ75-0018287.- Năm, nước sản xuất: 1994, Nhật Bản.	110.000.000
03	Xe ô tô con hiệu TOYOTA INNOVA G 08 chỗ, biển số đăng ký 68C-0973 đã qua sử dụng <ul style="list-style-type: none">- Biển đăng ký: 68C-0973.- Loại phương tiện: Ô tô con.- Nhãn hiệu: TOYOTA.- Số loại: INNOVA G TGN40L-GKMNKU.- Số máy: 1TR-6235420.- Số khung: RL4XW43G369202513.- Năm, nước sản xuất: 2006, Việt Nam.	145.000.000
04	Xe ô tô con hiệu TOYOTA COROLLA ALTIS 5 chỗ, biển số đăng ký 68C-0648 đã qua sử dụng <ul style="list-style-type: none">- Biển đăng ký: 68C-0648.- Loại phương tiện: Ô tô con.- Nhãn hiệu: TOYOTA.- Số loại: COROLLA – ALTIS ZZE122L-GEMEKH.- Số máy: 1ZZ-1015620.	116.000.000

	<ul style="list-style-type: none"> - Số khung: ZZE122-7501469. - Năm, nước sản xuất: 2002, Việt Nam. 	
05	<p>Xe ô tô con hiệu TOYOTA INNOVA G 8 chỗ, biển số đăng ký 68C-0868 đã qua sử dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biển đăng ký: 68C-0868. - Loại phương tiện: Ô tô con. - Nhân hiệu: TOYOTA. - Số loại: INNOVA G TGN40L-GKMNKU. - Số máy: 1TR6236196. - Số khung: RL4XW43GX69202587. - Năm, nước sản xuất: 2006, Việt Nam. 	137.000.000
06	<p>Xe ô tô con hiệu TOYOTA COROLLA ALTIS 5 chỗ, biển số đăng ký 68C-0707 đã qua sử dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biển đăng ký: 68C-0707. - Loại phương tiện: Ô tô con. - Nhân hiệu: TOYOTA. - Số loại: COROLLA - ALTIS. - Số máy: 1ZZ-1399040. - Số khung: ZZE122-7502932. - Năm, nước sản xuất: 2003, Việt Nam. 	126.000.000
07	<p>Xe ô tô con hiệu TOYOTA INNOVA V 8 chỗ, biển số đăng ký 68C-1034 đã qua sử dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biển đăng ký: 68C-1034. - Loại phương tiện: Ô tô con. - Nhân hiệu: TOYOTA. - Số loại: INNOVA V. - Số máy: 1TR-6856617. - Số khung: RL4XW43GXA9263706. - Năm, nước sản xuất: 2010, Việt Nam. 	208.000.000
08	<p>Xe ô tô con hiệu TOYOTA COROLLA ALTIS 5 chỗ, biển số đăng ký 68C-0667 đã qua sử dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biển đăng ký: 68C-0667. - Loại phương tiện: Ô tô con. - Nhân hiệu: TOYOTA. - Số loại: COROLLA – ALTIS ZZE122L-GEMEKH. - Số máy: 1ZZ-1023195. - Số khung: ZZE122-7501468. - Năm, nước sản xuất: 2002, Việt Nam. + 2:2; 185/70R14. 	116.000.000
09	<p>Xe ô tô con hiệu TOYOTA INNOVA G 8 chỗ, biển số đăng ký 68C-0834 đã qua sử dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biển đăng ký: 68C-0834. - Loại phương tiện: Ô tô con. - Nhân hiệu: TOYOTA. - Số loại: INNOVA G TGN40L-GKMKU. 	141.000.000

	<ul style="list-style-type: none"> - Số máy: 1TR-6218141. - Số khung: RL4XW43G-X69201164. - Năm, nước sản xuất: 2006, Việt Nam. 	
10	<p>Xe ô tô con hiệu TOYOTA INNOVA G 8 chỗ, biển số đăng ký 68C-0882 đã qua sử dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biển đăng ký: 68C-0882. - Loại phương tiện: Ô tô con. - Nhãn hiệu: TOYOTA. - Số loại: INNOVA G TGN40L-GKMNKU. - Số máy: 1TR6252341. - Số khung: RL4XW43G469202634. - Năm, nước sản xuất: 2006, Việt Nam. 	137.000.000
11	<p>Xe ô tô con hiệu TOYOTA INNOVA G 8 chỗ, biển số đăng ký 68C-0883 đã qua sử dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biển đăng ký: 68C-0883. - Loại phương tiện: Ô tô con. - Nhãn hiệu: TOYOTA. - Số loại: INNOVA G TGN40L-GKMNKU. - Số máy: 1TR-6218849. - Số khung: RL4XW43G569201203. - Năm, nước sản xuất: 2006, Việt Nam. 	130.000.000
12	<p>Xe ô tô con hiệu TOYOTA INNOVA G 8 chỗ, biển số đăng ký 68C-0889 đã qua sử dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biển đăng ký: 68C-0889. - Loại phương tiện: Ô tô con. - Nhãn hiệu: TOYOTA. - Số loại: INNOVA G. - Số máy: 1TR-6253764. - Số khung: RL4XW43G369202690. - Năm, nước sản xuất: 2006, Việt Nam. 	142.000.000
13	<p>Xe ô tô con hiệu TOYOTA INNOVA G 8 chỗ, biển số đăng ký 68C-0843 đã qua sử dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biển đăng ký: 68C-0843. - Loại phương tiện: Ô tô con. - Nhãn hiệu: TOYOTA. - Số loại: INNOVA G TGN40L-GKMNKU. - Số máy: 1TR6252931. - Số khung: RLAXW43G96202662. - Năm, nước sản xuất: 2006, Việt Nam. 	152.000.000
14	<p>Xe ô tô khách hiệu TOYOTA HIACE 12 chỗ, biển số đăng ký 68C-0748 đã qua sử dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biển đăng ký: 68C-0748. - Loại phương tiện: Ô tô khách. - Nhãn hiệu: TOYOTA. - Số loại: HIACE RZH115L-BFMGE. 	15.000.000



	- Số máy: 2RZ-3022566. - Số khung: RZH115-3000672. - Năm, nước sản xuất: 2003, Việt Nam.	
	Tổng cộng:	1.725.000.000